TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EAKAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 27/07/2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thế Hằng và ông Lê Khắc Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Phan Hoài Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/4/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 20/07/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Vũ Thị N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn A, xã E huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: ông Lê Văn C, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Vũ Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn C sau một thời gian tự nguyện tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 02/03/2004. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân là do, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả, mặt khác ông C không chăm lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu về gây sự và đánh đập vợ con. Mặc dù bà N đã nhiều

lần động viên, góp ý nhưng ông C vẫn không thay đổi mà mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và đã sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy bà N đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà N và ông C có 02 con chung là Lê Thị Thùy T, sinh ngày 26/5/2004 và Lê Thành Đ, sinh ngày 04/3/2013. Đối với Lê Thị Thùy T đã thành niên, có thể tự lao động nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu giải quyết. Nguyện vọng của bà N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Lê Thành Đ đủ 18 tuổi và yêu cầu ông C cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Lê Văn C đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn cũng không tiến hành hòa giải được để các đương sự đoàn tụ và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã ban hành các văn bản tố tụng, triệu tập các đương sự để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn không tham gia để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Vũ Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn C vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt các đương sự.

*** Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ, nên đề nghị HĐXX chấp nhận, xử cho bà Vũ Thị N được ly hôn với ông Lê Văn C. Giao cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lê Thành Đ, sinh ngày 04/3/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng buộc ông Lê Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu đạt đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Vũ Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Lê Văn C có nơi cư trú tại huyện E. Đây là vụ kiện "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, bà N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Vũ Thị N và ông Lê Văn C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 02/03/2004, đây là hôn nhân hợp pháp. Theo bà N xác định trong cuộc sống hôn nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông C không chịu khó làm ăn, chăm lo cho gia đình mà thường xuyên uống rượu về gây sự đánh đập vợ con. Do không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N có nguyện vọng được ly hôn với ông Lê Văn C.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định nguyên nhân mâu thuẫn của bà N và ông B là do ông C thường đi làm ăn xa, ít chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên xãy ra mâu thuẫn. Hiện nay bà N đang làm nông nghiệp tại địa phương, có đủ điều kiện để nuôi con chung.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N, cho bà Vũ Thị N được ly hôn với ông Lê Văn C là có căn cứ.

Về con chung: Bà N và ông C có hai con chung là Lê Thị Thùy T, sinh ngày 26/5/2004 và Lê Thành Đ, sinh ngày 04/3/2013. Đối với Lê Thị Thùy T đã thành niên các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Đối với Lê Thành Đ, sinh ngày 04/3/2013, hiện còn nhỏ nên bà N có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Tại văn bản ghi nhận ý kiến của cháu Lê Thành Đ có nguyện vọng được ở với bà N. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì hiện ông C thường xuyên đi làm xa, không đảm bảo điều kiện nuôi con và con chung vẫn đang sống cung với bà N, bà N có đủ điều kiện để chăm lo cuộc sống, giáo dục con chung. Do đó cần giao

con chung Lê Thành Đ cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Ông Lê Văn C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn bà Vũ Thị N yêu cầu ông Lê Văn C cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng. Căn cứ Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình, buộc ông Lê Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thành Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi là căn cứ.

Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập.

[3] Về án phí: Bà Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; ông Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho Bà Vũ Thị N được ly hôn với ông Lê Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thành Đ, sinh ngày 04/3/2013 cho bà Vũ Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Lê Văn C được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông Lê Văn C không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Lê Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thành Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2022/0000965 ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk; Ông Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkLắk;
-VKSND huyện EaKar;
-THADS huyện EaKar;
- UBND TT E;
-Đương sự;
-Lưu HS.

T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Long